

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1530/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Văn hóa và
Thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 667/TTr-SVHTT ngày 02 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc ngành Văn hóa và Thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính ngành Văn hóa và Thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *42*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, pmtrang.



Nguyễn Đức Chính

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC NGÀNH VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1530 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực văn hóa: 63 thủ tục					
1. Di sản văn hóa: 14 thủ tục					
1	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010. - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/02/2004 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; - Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 25/7/2011.
2	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP;
4	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP;
5	Cấp giấy phép khai quật khảo cổ	Không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ.
6	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Nghị định số 01/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
7	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

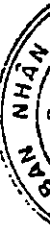


STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.			
8	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật. - Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định			



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia.			
9	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP;
10	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP.
11	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP.
12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP;
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng. - 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Di sản văn hóa năm 2001; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009; - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP; - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP;
2. Điện ảnh: 02 thủ tục					
15	Cấp giấy phép phổ biến phim	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 289/2016/TT-BTC	- Luật Điện ảnh năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18/6/2009.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh; - Quyết định số 36/QĐ-BVHTTDL ngày 24/4/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Điện ảnh; - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim. - Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh.
16	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 289/2016/TT-BTC	- Luật Điện ảnh năm 2006; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh năm 2009; - Nghị định số 54/2010/NĐ-CP; - Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL; - Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 289/2016/TT-BTC.
3. Mỹ thuật, nhiếp ảnh và Triển lãm: 12 thủ tục					



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.
18	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP.
19	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	không	- Nghị định số 113/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
20	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	07 ngày làm việc (hoặc 20 ngày với trường hợp xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch)	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP.
21	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 113/2013/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)				
22	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động Nhiếp ảnh.
23	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của UBND tỉnh)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 72/2016/NĐ-CP.
24	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm.
25	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		lăm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
26	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP.
27	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời gian 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
28	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo; - Trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định do triển lãm có nội dung không thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; triển lãm có quy mô quốc gia, quốc tế hoặc nội dung phức tạp, trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thông báo.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 23/2019/NĐ-CP.
4. Nghệ thuật biểu diễn: 04 thủ tục					
29	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 288/2016/TT-BTC.	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)				quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác.
30	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.
31	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
32	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
5. Văn hóa cơ sở: 10 thủ tục					
33	Đăng ký tổ chức lễ hội cấp tỉnh	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.
34	Thông báo tổ chức lễ hội cấp tỉnh	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
35	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTC.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
36	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	04 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTC.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC;
37	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc	Liên đoàn Lao động cấp huyện	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.
38	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Điều 29, Điều 30 của Luật Quảng cáo năm 2012; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quảng cáo và Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo.
39	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Luật Quảng cáo năm 2012.
40	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	3.000.000 đồng/giấy phép.	- Điều 41 Luật Quảng cáo năm 2012. - Điều 20 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
41	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng/Giấy phép	- Điều 41 Luật Quảng cáo năm 2012. - Điều 22 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC; - Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
42	Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.500.000 đồng/giấy phép.	- Điều 41 Luật Quảng cáo năm 2012; - Điều 23 Nghị định số 181/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 165/2016/TT-BTC; - Nghị định số 11/2019/NĐ-CP.
6. Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa: 05 thủ tục					
43	Cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL. - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
44	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 32/2012/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL.
45	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 260/2016/TT-BTC.	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu. - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
46	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 289/2016/TT-BTC.	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL. - Thông tư số 289/2016/TT-BTC; - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL.
47	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Thực hiện theo Thông tư số 288/2016/TT-BTC.	- Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 288/2016/TT-BTC; - Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL.
7. Thư viện: 03 thủ tục					
48	Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện.
49	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	ngoài có phục vụ người Việt Nam				
50	Thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.
8. Gia đình: 12 thủ tục					
51	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04/02/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.
52	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
53	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
54	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
55	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)				
56	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
57	Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Không quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL.
58	Cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Không quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL.
59	Cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
60	Cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
61	Cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
62	Cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
9. Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ: 01 thủ tục					
63	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30/12/2014 giữa Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật. - Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. - Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ.
II. Lĩnh vực Thể dục thể thao: 35 thủ tục					
64	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	4.000.000 đồng/01 câu lạc bộ	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh về việc quy định phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.
65	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Do HĐND tỉnh quy định	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.
66	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Do HĐND tỉnh quy định	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận				- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.
67	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Do HĐND tỉnh quy định	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP.
68	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.
69	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.
70	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018.
71	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga. - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
72	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	4.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf. - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
73	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
74	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thể thao đối với môn Taekwondo				- Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Taekwondo; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
75	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
76	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
77	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
78	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
79	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	4.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Điều bay; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
80	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
81	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
82	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
83	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể hình và Fitness	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
84	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân sư rồng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
85	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ đạo thể thao giải trí; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
86	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
87	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
88	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	4.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
89	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
90	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
91	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
92	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	4.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
93	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
94	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
95	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
96	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	4.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
97	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.
98	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.000.000 đồng/01 môn	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018; - Luật Phí và lệ phí năm 2015; - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao; - Nghị quyết số 550/2021/NQ-HĐND.



B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở: 11 thủ tục					
1	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTC	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường.
2	Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	04 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Thực hiện theo Thông tư số 01/2021/TT-BTC	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC.
3	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	10 ngày làm việc	Liên đoàn Lao động cấp huyện	Không	Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.
4	Xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.
5	Xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP.
6	Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”.
7	Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL.
8	Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			kết quả UBND cấp huyện		tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.
9	Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL.
10	Đăng ký tổ chức lễ hội	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.
11	Thông báo tổ chức lễ hội	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. Trường hợp không đồng ý với nội dung thông báo, cơ quan tiếp nhận phải trả lời văn bản và nêu rõ lý do;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP.
II. Lĩnh vực Thư viện: 3 thủ tục					
12	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện năm 2019; - Nghị định 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	ng nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng				
13	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.
14	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.
III. Lĩnh vực Gia đình					
15	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)		kết quả UBND cấp huyện		
17	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
18	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	30 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
19	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	15 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.
20	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	20 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không	- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL; - Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL.



C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực văn hóa: 06 thủ tục					
1. Văn hóa cơ sở: 03 thủ tục					
1	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP.
2	Xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 122/2018/NĐ-CP.
3	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận được thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung thông báo.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 110/2018/NĐ-CP.
2. Thư viện: 03 thủ tục					
4	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.
6	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	- Luật Thư viện năm 2019. - Nghị định số 93/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL.
II. Lĩnh vực Thể dục thể thao: 01 thủ tục					
7	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã	Không	- Luật Thể dục, thể thao năm 2006; - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao. - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể thao cơ sở.



PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I. Lĩnh vực văn hóa		
1. Thư viện: 01 thủ tục		
1	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	Luật Thư viện năm 2019.
2. Nghệ thuật biểu diễn: 07 thủ tục		
2	Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
3	Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
4	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
5	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
6	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
7	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.
8	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP.

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VB QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
I. Lĩnh vực văn hóa		
1. Thư viện: 01 thủ tục		
1	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	Luật Thư viện năm 2019.
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
I. Lĩnh vực văn hóa		
1. Thư viện: 01 thủ tục		
1	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	Luật Thư viện năm 2019.

